

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐÀ LẠT NHÌN TỪ THỰC TẾ DẠY - HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

*Lữ Thị Anh Thư**

Tóm tắt: Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học là một yêu cầu tất yếu của giáo dục Việt Nam nhằm bắt kịp xu thế của giáo dục thế giới. Đây được xem là nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục mà mỗi thầy cô giáo sống trong thời đại kỹ nguyên số đều nhận thức rõ. Tuy nhiên, làm thế nào để việc ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ là sự thay đổi về hình thức mà hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng dạy - học là vấn đề cần được nghiên cứu, trao đổi. Bài viết đem đến một góc nhìn từ thực tế ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy môn Tiếng Việt thực hành ở lớp GDTH K42 trường CĐSP Đà Lạt, nhìn nhận về những thuận lợi và khó khăn, trên cơ sở ấy đưa ra một số đề xuất để việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy đem đến những hiệu quả thiết thực nhất.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự tác động mạnh mẽ của công nghệ vào mọi mặt của cuộc sống: kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại, y tế... Và nếu không muốn lạc hậu, giáo dục cũng không thể đứng ngoài cuộc. Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là minh chứng rõ nét cho nhiệm vụ của giáo dục Việt Nam trong thời gian sắp tới. Với tinh thần ấy, trong học kỳ I năm học 2019 - 2020, chúng tôi đã áp dụng những tiến bộ của công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy - học, cụ thể trong học phần Tiếng Việt thực hành ở lớp Giáo dục Tiểu học K42 trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng việc dạy - học môn Tiếng Việt thực hành ở ngành Giáo dục Tiểu học

Tiếng Việt thực hành (TVTH) là một học phần bắt buộc đối với ngành học Giáo dục Tiểu học. Nội dung môn học xoay quanh bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản của ngôn ngữ: nghe - nói - đọc - viết. Bốn kỹ năng này rất cần thiết đối với bất kỳ ai sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, giúp việc giao tiếp bằng tiếng Việt đạt hiệu quả như mong muốn.

* Giảng viên Khoa TH - MN

Riêng đối với giáo sinh ngành Giáo dục Tiểu học, bốn kỹ năng ấy lại càng đặc biệt quan trọng vì nó là công cụ để dạy tốt các phân môn của môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên những lý thuyết căn bản cũng như hình thành các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết, giúp sinh viên có thể giao tiếp đạt hiệu quả và dạy tốt môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy, để sinh viên nắm vững lý thuyết về bốn kỹ năng cũng như được rèn luyện tất cả các kỹ năng ấy một cách kỹ lưỡng, thường xuyên mà chỉ với thời lượng 30 tiết lên lớp là một thách thức không nhỏ đối với người giảng dạy. Mặc dù đề cương chi tiết học phần đã nêu rõ thời gian tự học của sinh viên là 60 giờ, nhưng cũng giống như nhiều môn học khác, vì một số lý do khách quan mà giảng viên rất khó trong việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của sinh viên. Việc thực hành bốn kỹ năng cho sinh viên hầu hết được thực hiện tại lớp thay vì sinh viên cần được thực hành thường xuyên, liên tục, ở trường, ở nhà. Do đó, hiệu quả của việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ qua môn TVTH cũng bị ảnh hưởng phần nào.

2.2. Sự phù hợp của học phần TVTH với việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy

Làm sao để đạt mục tiêu của học phần trong khi thời lượng lên lớp khá ít, đây thật sự là trở ngại đối với giảng viên phụ trách môn học. Để giải quyết vấn đề này, trong học kỳ I vừa qua, chúng tôi đã tìm hiểu và áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào giảng dạy môn TVTH.

Theo chúng tôi, môn TVTH khá phù hợp để áp dụng CNTT vào giảng dạy, trước hết vì lý thuyết của môn học không quá phức tạp cũng như không hoàn toàn mới. Trọng tâm môn học thiên về phần thực hành các kỹ năng. Mặt khác, môn TVTH của ngành Giáo dục Tiểu học dành cho sinh viên năm thứ ba, tức là sau hai năm học tập ở môi trường cao đẳng, các em đã thành thạo về tin học, công nghệ.

Qua việc tìm hiểu và chọn lọc, chúng tôi đã áp dụng các ứng dụng dạy học hiện đại trong quá trình giảng dạy môn TVTH, cụ thể như sau:

Google Classroom: Đây là một hệ thống quản lý lớp học – Learning Management System. Nó là một ứng dụng, một dịch vụ web miễn phí được Google phát triển cho các trường học nhằm mục đích hỗ trợ hoạt động dạy – học. Google ra mắt Google Classroom vào năm 2014, cho đến nay không ngừng được hoàn thiện, bổ sung. Google Classroom được tích hợp Google Docs, Google Drive, Youtube và Gmail, cùng với sự phát triển nhiều tính năng mới giúp đơn giản hóa việc tương tác giữa người dạy và người học. Với những thao tác đơn giản, giảng viên có thể nhanh chóng thiết lập một lớp học “ảo” - online, tương tác với sinh viên một cách riêng tư hoặc tương tác công khai với cả lớp. Đến nay, đã có hơn hàng chục triệu giảng viên và

sinh viên trên thế giới sử dụng ứng dụng này để cùng giảng dạy và học tập. Với nhiều tính năng tiện ích, Google Classroom mang đến cho tất cả người dạy và người học cơ hội được trải nghiệm một hình thức học tập mới nhưng không kém phần hiệu quả. Cụ thể trong môn TVTH, giảng viên quản lý lớp học bằng Google Classroom. Tất cả tài liệu môn học, thông báo, bài thảo luận, kiểm tra... đều có thể thực hiện trong lớp học ảo này. Với Google Classroom, giảng viên có thể quản lý, theo dõi lớp học ở bất kỳ đâu, chia sẻ tài nguyên học tập dễ dàng; giao nhận, đánh giá bài làm của sinh viên một cách nhanh chóng; sắp xếp, lưu trữ tài liệu học tập thuận tiện cũng như mở rộng khả năng giao tiếp tương tác với sinh viên mọi nơi, mọi lúc.

Flipgrid là một nền tảng mạng xã hội giáo dục cho phép giảng viên đặt ra các chủ đề; sinh viên thảo luận và trả lời các chủ đề tại nhà hoặc lớp học thông qua các video clip; trong khi các thành viên khác của lớp học có thể theo dõi và phản hồi. Ứng dụng này hiện được hơn 20 triệu giáo viên và sinh viên tại 180 quốc gia sử dụng. Cụ thể trong môn TVTH, sinh viên đã được hướng dẫn để có thể thực hành các kỹ năng đọc, nói ở nhà, dễ dàng cho giảng viên đánh giá cũng như các thành viên khác tham khảo, học hỏi thông qua việc chia sẻ lên ứng dụng. Điều này giúp tăng thời gian thực hành cho sinh viên đồng thời giúp sinh viên hứng thú, có động lực để rèn luyện thực hành kỹ năng giao tiếp.

Padlet là một bức tường ảo cho phép người dùng bày tỏ suy nghĩ về một chủ đề nào đó một cách dễ dàng. Padlet hoạt động giống như một trang giấy, nơi mà mọi người có thể trình bày bất kỳ nội dung gì từ tài liệu website, văn bản đến hình ảnh, video, dễ dàng chia sẻ với bất kỳ ai nếu có thiết bị kết nối internet. Đây là một công cụ rất hữu ích trong việc giảng dạy môn TVTH, giúp sinh viên có thể thực hiện các bài thảo luận nhóm dưới sự quan sát, đánh giá của giảng viên cũng như các cá nhân có thể tham khảo, trao đổi, thảo luận với nhau về các chủ đề học tập một cách công khai, chủ động.

2.3. Một vài kết quả từ thực tế ứng dụng CNTT vào giảng dạy môn TVTH

Có thể nói, việc áp dụng CNTT vào giảng dạy môn TVTH là một cố gắng của giảng viên và cả sinh viên để đáp ứng yêu cầu dạy - học trong thời đại công nghệ số cũng như yêu cầu đổi mới phương pháp dạy - học nhằm bắt kịp xu hướng quốc tế. Tuy nhiên, vì đây là lần đầu tiên áp dụng nên về phía người dạy lẫn người học cũng có không ít lúng túng, khó khăn nhất định và những bài học cần được đúc kết để rút kinh nghiệm.

2.3.1. Dưới góc độ người học

Qua việc khảo sát 88/91 sinh viên Giáo dục Tiểu học K42A và K42B sau khi học học phần này, chúng tôi đã bước đầu tổng hợp những đánh giá của sinh viên về

hiệu quả của việc ứng dụng CNTT vào dạy học môn TVTH dưới góc độ người học, được thể hiện dưới các tiêu chí sau:

+ Về mức độ hứng thú

Mức độ hứng thú của SV	Không hứng thú	Bình thường	Hứng thú	Rất hứng thú
Kết quả khảo sát	0%	21,6% (19 SV)	60,2% (53SV)	18,2% (16 SV)

+ Về ích lợi của việc áp dụng CNTT vào dạy – học: 100% SV đều cho rằng việc ứng dụng CNTT vào dạy – học môn TVTH đã đem lại những lợi ích cho bản thân trong học tập. Những lợi ích cụ thể được kể đến như sau (xếp theo thứ tự % từ cao đến thấp):

- Giúp việc giao nộp bài tập giữa sinh viên và giảng viên được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng: 83% (73/88 SV).

- Giúp sinh viên có thêm hiểu biết về các ứng dụng CNTT trong giáo dục: 81,8% (72/88 SV).

- Giúp sinh viên tự giác, chủ động hơn trong học tập: 77,3% (68/88 SV).

- Giúp sinh viên mở rộng không gian, thời gian học tập: 77,3% (68/88 SV).

- Giúp sinh viên tăng cường thời gian tự học, tự thực hành ngoài giờ lên lớp: 71,6% (63/88 SV).

- Giúp sinh viên có định hướng trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy sau này: 70,5% (62/88 SV).

- Giúp sinh viên tăng cường sự trao đổi, học hỏi từ bạn bè: 68,2% (60/88 SV).

+ Những khó khăn của sinh viên trong quá trình học môn TVTH có ứng dụng CNTT:

- Thiếu internet trong lớp học 87,5% (77/88 SV).

- Thiếu thiết bị truy cập để học tập 34,1% (30/88 SV).

+ Đánh giá sự cần thiết của việc áp dụng CNTT vào giảng dạy môn TVTH: 93,18% (82/88) SV cho là cần thiết phải áp dụng CNTT vào dạy – học môn TVTH.

+ Mong muốn của sinh viên

- 100% SV mong muốn được học nhiều hơn các môn học có sử dụng các ứng dụng CNTT vào dạy – học.

- Mô hình lớp học sinh viên mong muốn được học tập:

Mô hình lớp học mong muốn của SV	<i>Lớp học truyền thống không sử dụng ứng dụng dạy học hiện đại</i>	<i>Lớp học nửa truyền thống có kết hợp sử dụng ứng dụng dạy học hiện đại</i>	<i>Lớp học trực tuyến online</i>
Kết quả khảo sát	2,2%	83%	14,8%

+ *Dự định của sinh viên*: Từ việc áp dụng CNTT vào dạy học của giảng viên trong môn TVTH, số sinh viên có dự định áp dụng CNTT vào việc giảng dạy sau này của mình là: 76,1% sẽ áp dụng, 23,9% có thể áp dụng.

2.3.2. Dưới góc độ người dạy

+ *Những thuận lợi khi áp dụng CNTT vào giảng dạy*

Thứ nhất, khi áp dụng CNTT vào giảng dạy môn TVTH, giảng viên đã nhận được sự hưởng ứng, phối hợp nhiệt tình từ phía SV. Các em rất hào hứng khi được tiếp cận những ứng dụng dạy học hiện đại, giúp bản thân mở mang thêm sự hiểu biết về công nghệ cũng như có định hướng cho việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy sau khi ra trường. Kết quả khảo sát mức độ hứng thú và rất hứng thú của SV là 78,4% đã chứng minh rõ điều ấy. Do đó, trong quá trình học tập, ngoài sự hướng dẫn ban đầu của giảng viên về các ứng dụng, SV rất chịu khó tìm tòi cũng như chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao bằng các ứng dụng học tập mới.

Thứ hai, đối tượng của học phần là sinh viên năm thứ ba. Trong học kì I vừa qua, các em được học môn “Phương tiện kĩ thuật và ứng dụng CNTT” song song với học phần TVTH, đây là một thuận lợi cơ bản để các em có một cái nhìn tổng thể về việc áp dụng các ứng dụng học tập hiện đại trong giáo dục. Mặt khác, với sự phát triển của đời sống, những thiết bị công nghệ thông minh ngày càng phổ biến. Qua khảo sát 86/88 SV có điện thoại thông minh để học tập, chiếm 97,7%; 40/88 SV có thêm laptop để học tập, chiếm 45,5%. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi, điều kiện tiên quyết để giảng viên có thể áp dụng CNTT vào giảng dạy.

Thứ ba, đúng như tên gọi học phần – “Tiếng Việt thực hành”, trọng tâm của học phần là phần thực hành các kĩ năng sử dụng tiếng Việt, do đó phần lý thuyết không quá khó, lại khá ngắn gọn, giáo trình viết khá chi tiết. Với một môn học thực hành là chủ yếu, giảng viên có “đất” để khai thác nhiều ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động thực hành của SV.

+ *Những khó khăn khi áp dụng CNTT vào giảng dạy*

Có đến 87,5% SV thấy khó khăn khi thiếu internet để học tập tại lớp, đây cũng chính là khó khăn lớn nhất của giảng viên khi áp dụng CNTT vào giảng dạy môn TVTH. Hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, ngày càng xuất hiện nhiều

những ứng dụng hỗ trợ việc dạy – học và chủ yếu đây là những ứng dụng trực tuyến – online. Do đó, việc thiếu internet trên lớp học hoặc chất lượng internet không ổn định đã ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác CNTT vào giảng dạy, bởi SV không được tương tác trực tiếp trên lớp mà phần lớn phải đợi về nhà có internet mới được thực hành, còn giảng viên bị hạn chế rất nhiều trong việc lựa chọn các ứng dụng dạy học.

Qua khảo sát, 71,6% SV cho rằng việc áp dụng CNTT vào dạy – học môn TVTH đã giúp sinh viên tăng cường thời gian tự học, tự thực hành ngoài giờ lên lớp. Điều này có nghĩa, với sự hỗ trợ của các ứng dụng học tập hiện đại, không gian và thời gian học tập được mở rộng, không bị giới hạn ở số giờ lên lớp nhất định. Do đó, số lượng bài tập thực hành của SV được tăng lên đáng kể, đồng nghĩa việc đánh giá, nhận xét, chấm điểm của giảng viên phải tiến hành nhiều hơn, chi tiết hơn. Không thể phủ nhận bên cạnh những lợi ích rất rõ đã kể trên, việc nối dài không gian, thời gian học tập bên ngoài lớp học cũng như song song tiến hành đồng thời lớp học thực và lớp học “ảo” dễ dẫn đến tình trạng giảng viên lẫn sinh viên quá tải. Khi áp dụng CNTT vào giảng dạy, có nghĩa là giờ dạy của giảng viên không chỉ diễn ra trên lớp học mà còn ở nhà, bất kể thời gian nào trong ngày. Do đó, việc sắp xếp thời gian làm việc để vừa đảm bảo tiến độ bài học vừa cân đối với các hoạt động, sinh hoạt khác là một khó khăn thực tế.

2.4. Đề xuất một số giải pháp để ứng dụng CNTT vào giảng dạy

Từ thực tế giảng dạy học phần TVTH có áp dụng CNTT cũng như qua việc khảo sát SV K42 ngành Giáo dục Tiểu học, chúng tôi đề xuất một số giải pháp để ứng dụng CNTT vào giảng dạy đạt hiệu quả.

2.4.1. Về phía Nhà trường

Hiện nay, trong sự tiến bộ không ngừng của khoa học công nghệ, áp dụng CNTT vào giảng dạy không còn dừng ở giáo án – bài giảng điện tử mà thể hiện ở những ứng dụng dạy – học trực tuyến giúp tăng cường sự tương tác giữa người dạy và người học. Nếu không khai thác những ứng dụng này sẽ bỏ lỡ nhiều cơ hội để bắt kịp xu hướng dạy học hiện đại trên thế giới. Do đó, việc nhà trường trang bị internet trong lớp học và đảm bảo chất lượng đường truyền là một yêu cầu tiên quyết để giảng viên có thể áp dụng CNTT vào giảng dạy một cách thường xuyên, chủ động.

Trong giai đoạn nhà trường còn khó khăn về kinh phí như hiện nay thì việc lắp đặt wifi ở tất cả các lớp thực tế sẽ khó khả thi, trước mắt, nhà trường có thể lắp đặt ở phòng học thực hành của các khoa để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên đổi mới phương pháp dạy - học dựa trên sự hỗ trợ của CNTT.

2.4.2. Về phía giảng viên

+ *Xuất phát từ đặc thù môn học, nội dung bài học để ứng dụng CNTT vào giảng dạy một cách linh hoạt, phù hợp*

Đối với giảng viên, những thành tựu của khoa học và công nghệ đã và đang thay đổi mạnh mẽ thế giới, dù muốn dù không chúng ta cũng không thể đứng ngoài dòng chảy đó. Từ thực tế giảng dạy môn TVTH, chúng tôi nhận thấy SV rất hứng thú và có khả năng tiếp cận CNTT khá nhanh. 100% SV mong muốn được học nhiều hơn các môn học có áp dụng CNTT. CNTT giúp 77,3% SV tự giác, chủ động hơn trong học tập, 70,5% SV có định hướng trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy sau này. Đây là những kết quả khảo sát thực tế đã phản ánh những lợi ích cụ thể từ việc áp dụng CNTT vào giảng dạy.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và bắt kịp xu hướng của giáo dục hiện đại, giảng viên cần chủ động tìm hiểu, tích cực ứng dụng CNTT vào giảng dạy. Cùng với sự bùng nổ của công nghệ, số lượng ứng dụng, công cụ giáo dục không ngừng gia tăng, vô cùng đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, giảng viên cần xuất phát từ đặc thù của từng môn học, nội dung từng bài học cũng như đặc điểm sinh viên từng lớp để lựa chọn và vận dụng cho phù hợp, linh hoạt. Những học phần về phương pháp dạy học hay nội dung kiến thức có tính chất phức tạp đòi hỏi nhiều thao tác phân tích, suy luận, giảng viên nên giảng dạy trực tiếp trên lớp để hướng dẫn sinh viên được cụ thể, hiệu quả hơn.

+ *Làm chủ công nghệ, không nên lệ thuộc, lạm dụng CNTT vào giảng dạy*

Những lợi ích từ việc áp dụng CNTT vào giảng dạy là không thể phủ nhận, tuy nhiên, công nghệ cũng như ứng dụng nào cũng có tính hai mặt, tích cực và hạn chế, điều quan trọng là người sử dụng phải biết làm chủ công nghệ, biết cách dung hòa. Giảng viên ứng dụng công nghệ nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng nhưng không thể lệ thuộc cũng như không lạm dụng, chỉ nên xem CNTT như một công cụ hỗ trợ cho hoạt động dạy – học. Sự hướng dẫn, định hướng trực tiếp của giảng viên, sự tham gia học tập trực tiếp của sinh viên trên lớp vẫn mang tính chất quyết định.

+ *Các giảng viên trong tổ bộ môn trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau*

Dù chuẩn bị kĩ càng đến đâu nhưng bước đầu áp dụng CNTT vào giảng dạy, giảng viên không thể tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc. Do đó cần có sự trao đổi, hỗ trợ của các giảng viên trong tổ bộ môn để có thể cùng nhau đưa ra những góp ý, điều chỉnh và khắc phục kịp thời, giúp giảng viên từng bước thành thạo hơn trong việc ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào giảng dạy.

2.4.3. Về phía sinh viên

Ứng dụng CNTT trong dạy – học là một việc làm cần thiết không chỉ đối với giảng viên mà còn đối với sinh viên ngành sư phạm, bởi trong tương lai các em là người sẽ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy ở trường phổ thông. Do đó, bên cạnh trang bị kiến thức chuyên môn, sinh viên cần chú ý bổ sung thêm những kiến thức về tin học, công nghệ, có thể tự học bằng cách tham gia các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng CNTT vào giảng dạy của giáo viên phổ thông. Sinh viên cần khắc phục những khó khăn về phương tiện, thiết bị học tập, về đường truyền internet để chủ động, tích cực tìm hiểu, tiếp cận những ứng dụng học tập hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu công việc sau này.

3. Kết luận

Áp dụng CNTT vào giảng dạy học phần TVTH là một cố gắng của chúng tôi nhằm đáp ứng nhiệm vụ của giáo dục hiện đại, tuy nhiên bước đầu thực hiện không thể tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc và cần có sự đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp trong những năm học tới. Việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy dù rất cần thiết nhưng không thể xem như một phong trào để tiến hành đồng loạt, ồ ạt mà mỗi giảng viên cần có sự chuẩn bị, tìm hiểu kỹ lưỡng và vận dụng cho linh hoạt tùy tình hình giảng dạy thực tế nhằm hướng đến hiệu quả giáo dục cao nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thủy (2011), “Ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học”, *Tạp chí Giáo dục*, số 226, tr.27-29.
2. Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng CNTT trong dạy học tích cực*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Đặng Thành Hưng (2004), “Thiết kế phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá”, *Tạp chí Giáo dục*, số 102, tr.10-12.
4. Hoàng Kiếm (2002), *Một số đề nghị đổi mới phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của CNTT*, Báo cáo khoa học Đại học Quốc gia TP.HCM.